TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN
TẠP CHÍ KHOA HỌC
ĐẠI HỌC SÀI GÒN
ISSN 1859 - 3208
Số 86, Tập 1, 2023

SAIGON UNIVERSITY
SCIENTIFIC JOURNAL
OF SAIGON UNIVERSITY
No. 86, Vol. 1, 2023

Email: tcdhsg@sgu.edu.vn ; Website: http://sj.sgu.edu.vn/

"PHÊ PHÁN" SỰ PHÊ PHÁN CỦA K. POPPER ĐỐI VỚI CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ

"Critition" of K. Popper's critique of historical materialism

Bùi Lan Hương
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

TÓM TẮT

Bài viết phân tích những phê phán của K. Popper đối với chủ nghĩa duy vật lịch sử, thông qua phân tích những điều kiện, tiền đề cho sự hình thành tư tưởng của K. Popper làm sáng tỏ nguyên nhân và nội dung của những phê phán đó. Đồng thời, đứng trên lập trường duy vật biện chứng và duy vật lịch sử tác giả đã chỉ ra những sai lầm cơ bản trong những phê phán của K. Popper. Từ đó tác giả xác định rằng, để khẳng định giá trị khoa học của chủ nghĩa Mác, thì không chỉ dừng lại ở việc nắm vững hệ thống nguyên lý, quy luật của nó mà còn cần hiểu thấu đáo những quan điểm trái ngược để vạch ra được những sai lầm của chúng trên cơ sở khoa học.

Từ khóa: *chủ nghĩa duy vật lịch sử, phê phán, K. Popper*

ABSTRACT

The article analyzes K. Popper's criticisms of historical materialism, through analyzing the conditions and premise for K. Popper's thought formation to clarify the causes and content of those criticisms. At the same time, standing on the stance of dialectical materialism and historical materialism, the author pointed out the fundamental errors in the criticisms of K. Popper. Since then, the author has determined that, in order to affirm the scientific value of Marxism, it is not only necessary to maintain its own system of principles and laws, but also need to thoroughly understand the opposing views to point out the errors of those views on the basis of science.

Keywords: *Historical materialism, critique, K.Popper*

1. Đặt vấn đề

Karl Raimund Popper (1902 - 1994) là nhà triết học người Áo tiêu biểu, ông được đánh giá là một trong những triết gia có ảnh hưởng nhất thế kỷ XX, người khởi đầu của triết học hậu thực chứng, người sáng lập chủ nghĩa duy lý phê phán. Với những đóng góp của mình, năm 1965 K. Popper được Nữ hoàng Anh Elizabeth II phong tước Hiệp sĩ, được bầu vào Hiệp hội hoàng gia năm 1976 và đã được trao tặng nhiều phần thưởng cao quý từ các tổ chức và viện nghiên cứu ở Áo, Đức và quốc tế. Ở Việt Nam, Karl Popper được biết đến chủ yếu với tư cách là người công khai phê phán trực diện chủ nghĩa Mác khiến cho những nghiên cứu về ông còn ít ỏi, nhiều đánh giá chưa dựa trên cơ sở khoa học mà mang nặng cảm tính. Vì vậy, việc nghiên cứu có hệ thống những phê phán của ông đối với

Tác giả liên hệ: builanhuong@hpu2.edu.vn

chủ nghĩa chủ nghĩa duy vật lịch sử nói riêng, chủ nghĩa Mác nói chung nhằm vạch ra nguyên nhân và hạn chế của sự phê phán đó là rất cần thiết trước yêu cầu vừa tiếp thu luồng tư tưởng ngoài mácxít vừa bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác ở nước ta hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Những phê phán của K. Popper đối với chủ nghĩa duy vật lịch sử

Trong suốt sự nghiệp của mình K. Popper đã dành nhiều thời gian nghiên cứu về chủ nghĩa Mác nói chung, chủ nghĩa duy vật lịch sử nói riêng, trong đó, đã không ít lần K. Popper công khai phê phán, bác bỏ giá trị khoa học của chủ nghĩa duy vật lịch sử. Đặc biệt, chính những nội dung phê phán chủ nghĩa duy vật lịch sử được ông đề cập trong hai tác phẩm của mình: *Xã hội mở và những kẻ thù của nó* (1943), *Sự nghèo nàn của chủ nghĩa lịch sử* (1976) đã góp phần làm nên tên tuổi của ông trong lĩnh vực triết học chính trị - xã hội.

Karl Popper xác định chủ nghĩa lịch sử là một cách tiếp cận xã hội của các nhà triết học từ Hêraclít, Platôn thời cổ đại đến J.S. Mill, F. Hêghen thời cận đại và của C. Mác thời hiện đại, trong đó chủ nghĩa duy vật lịch sử của C. Mác được ông coi là hình thức phát triển nhất của chủ nghĩa lịch sử. Trong quan niệm của K. Popper chủ nghĩa lịch sử là một cách tiếp cận xã hội cho rằng xã hội vận động theo quy luật có thể nhận thức được; trên cơ sở nhận thức được xu hướng, quy luật khách quan của xã hội con người có thể dự báo được tiến trình lịch sử tương lai từ đó con người có thể cải biến hoàn toàn xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Những phê phán về chủ nghĩa duy vật lịch sử của K. Popper tập trung chủ yếu ở một số nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, theo K. Popper, những người theo chủ nghĩa lịch sử tin tưởng một cách sai lầm rằng mục đích của khoa học xã hội là khám phá ra các quy luật phát triển của lịch sử nhằm giải thích và dự đoán tiến trình lịch sử. Theo ông, điều này thể hiện một sự hiểu sai căn bản về các quy luật khoa học. Trong thực tế, K. Popper cho rằng, không có quy luật về sự phát triển của lịch sử. Nghĩa là, không có quy luật quyết định sự chuyển dịch từ một giai đoạn lịch sử này sang một giai đoạn kế tiếp.

K. Popper quan niệm có thể có các quy luật xã hội học chi phối hành vi của con người trong các hệ thống hay thiết chế xã hội cụ thể. Chẳng hạn, quy luật cung cầu là một dạng quy luật xã hội chi phối kinh tế thị trường. Nhưng tiến trình tương lai của lịch sử không thể dự đoán được và các quy luật chi phối đường đi chung của lịch sử là không tồn tại. K. Popper không phủ nhận rằng có thể có các xu thế lịch sử - xu thế hướng đến tự do và bình đẳng, giàu có hơn hay công nghệ tốt hơn, tuy nhiên không giống các quy luật thực sự, những xu thế luôn luôn phụ thuộc vào các điều kiện nào đó. Khi có sự thay đổi các điều kiện thì các xu thế cũng thay đổi hoặc biến mất.

Như vậy cơ sở cho sự phê phán chủ nghĩa lịch sử của K. Popper là ở chỗ, *ông không thừa nhận sự tồn tại các quy luật của quá trình phát triển lịch sử có hiệu lực ở mọi nơi, mọi lúc tương tự như các quy luật vật lý mà chỉ thừa nhận khả năng có những xu thế phát triển ở từng bộ phận, từng lĩnh vực có thể quan sát được của xã hội*. Những quy luật phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội mà chủ nghĩa Mác khám phá ra, do vậy, cũng không có thực và khả năng dự kiến tương lai phát triển của xã hội trên cơ sở những quy luật đó là một sự không tưởng.

K. Popper phủ nhận sự tồn tại của các "quy luật" lịch sử, ông cố gắng chứng minh rằng, chúng ta không thể phát hiện ra quy luật phát triển của xã hội, vì xã hội thì luôn phát triển và sự phát triển này không lặp lại. Còn những "quy luật" thì chỉ xuất hiện trong một điều kiện ổn định và lặp lại khá chắc chắn. Phủ nhận tính quy luật của lịch sử ông muốn chứng minh rằng, "không một nhà tiên tri khoa học nào – dù đó là một nhà khoa học bằng xương bằng thịt hay một cỗ máy tính – có khả năng bằng những phương pháp khoa học tiên đoán được kết quả trong tương lai của chính mình. Những nỗ lực thực hiện điều đó chỉ có thể đạt được kết quả sau khi việc đã rồi, lúc đã quá muộn cho một lời tiên đoán; kết quả chỉ có thể có sau khi lời tiên đoán đã biến thành lời hồi đoán" (K. Popper, 2012a: 14).

Chính vì vậy ông phê phán học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của Mác vốn cho rằng sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên và quy luật cơ bản nhất chi phối tiến trình ấy là quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển nhất định của lực lượng sản xuất.

Thứ hai, nếu như chủ nghĩa duy vật lịch sử của C. Mác cho rằng, sự thay thế của các phương thức sản xuất là nguyên nhân cơ bản nhất dẫn tới sự thay thế của hình thái kinh tế - xã hội này bằng hình thái kinh tế - xã hội khác từ đó tạo nên sự phát triển theo khuynh hướng đi lên của lịch sử loài người thì ngược lại, theo Popper, không phải phương thức sản xuất mà chính sự tăng trưởng của tri thức khoa học mới là nhân tố quan trọng nhất quyết định sự vận động phát triển của lịch sử

Xuất phát từ quan điểm này, K. Popper khẳng định con người không thể dự đoán trước sự phát triển của tri thức nhân loại cho nên chúng ta không thể dự đoán được diễn tiến tương lai của lịch sử. Theo Popper, tri thức của con người tăng lên và thay đổi theo thời gian, và lượng tri thức mới này một lần nữa ảnh hưởng đến các sự kiện xã hội. Chúng ta không thể dự đoán những điều sẽ xảy ra trong tương lai, do đó chúng ta không thể dự đoán tương lai. Vì chúng ta thừa nhận là tri thức ảnh hưởng đến các hành vi xã hội và tri thức thức thay đổi theo thời gian - hai giả thiết mà Popper xem như là không thể chối cãi được – thì quan điểm cho rằng chúng ta có thể dự đoán được tương lai là không đúng và vì vậy chủ nghĩa lịch sử bị bác bỏ.

Trong cuốn sách *Sự nghèo nàn của chủ nghĩa lịch sử* K. Popper khẳng định mình đã bác bỏ thành công chủ nghĩa lịch sử và khái quát những lập luận của mình thành năm luận đề quan trọng:

"1. Diễn tiến lịch sử nhân loại bị ảnh hưởng mạnh bởi sự tăng trưởng tri thức của nhân loại (Về tính đúng đắn của tiền đề này, ngay cả những người quan niệm rằng những ý tưởng của chúng ta, kể cả những ý tưởng khoa học, thuần túy chỉ là những sản phẩm phụ của sự phát triển vật chất loại này hay loại khác cũng phải thừa nhận).

2. Chúng ta không thể tiên đoán, bằng các phương pháp duy lý hay khoa học, tương lai của sự tăng trưởng tri thức khoa học của chúng ta.

3. Vì thế chúng ta không thể tiên đoán diễn tiến tương lai của lịch sử nhân loại.

4. Điều này có nghĩa là chúng ta phải bác bỏ khả năng của một thứ lịch sử lý thuyết; tức là một khoa học lịch sử - xã hội có thể tương ứng với vật lý lý thuyết. Không một lý thuyết khoa học nào về sự phát triển của lịch sử có thể dùng làm cơ sở cho sự tiên đoán lịch sử.

5. Mục đích căn bản của các phương pháp

lịch sử chủ nghĩa vì thế là sai lầm; và chủ nghĩa lịch sử sụp đổ" (K. Popper, 2012a: 12-13)

Theo Popper, những xã hội được xây dựng dựa trên nền tảng lý luận là chủ nghĩa lịch sử đều sẽ trở thành những "xã hội đóng" vì mọi chính sách của nhà nước và hoạt động của người dân đều tuân theo những quy luật sẵn có, bất biến của lịch sử.

Thứ ba, khi nghiên cứu về nội dung cách mạng xã hội trong chủ nghĩa duy vật lịch sử của C. Mác, K. Popper cực lực phản đối sử dụng bạo lực cách mạng và tiến hành cách mạng xã hội, theo ông để xây dựng xã hội mới chỉ cần tiến hành cải cách xã hội. Popper chỉ ra rằng, cải cách xã hội nên tập trung vào việc thay đổi một tổ chức tại một thời điểm và tìm cách giải quyết các vấn đề xã hội cụ thể như nghèo đói, bạo lực, thất nghiệp, suy thoái môi trường, bất bình đẳng thu nhập… quan điểm cho rằng thông qua một cuộc cách mạng xã hội để tạo ra sự thay đổi về chất của mọi mặt đời sống xã hội theo K.Popper là không tưởng.

2.2. Những nguyên nhân cơ bản của sự phê phán của K. Popper đối với chủ nghĩa duy vật lịch sử

Các nhà triết học, theo C. Mác, "không mọc lên như nấm từ trái đất; họ là sản phẩm của thời đại mình, của dân tộc mình, mà dòng sữa tinh tế nhất, quý giá và vô hình được tập trung lại trong những tư tưởng triết học" (C. Mác và Ph. Ăngghen, 2005:156). Tư tưởng triết học của K. Popper không phải là trường hợp ngoại lệ. Để hiểu được tư tưởng triết học của vị triết gia này, thì việc nghiên cứu kĩ những điều kiện, tiền đề dẫn đến sự ra đời tư tưởng triết học của ông là vô cũng quan trọng. Nguyên nhân cơ bản dẫn tới sự phê phán cuả K. Popper đối với chủ nghĩa duy vật lịch sử cũng nằm trong chính những điều kiện, tiền đề ấy.

Thứ nhất, K. Popper sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh châu Âu nói chung, nước Áo nói riêng, có nhiều biến động lớn về chính trị - xã hội đặc biệt là sự kiện chiến tranh thế giới thứ nhất. Năm 1919 đã diễn ra một sự kiện quan trọng làm thay đổi thái độ chính trị của Popper. Năm đó, tại Viên một nhóm thanh niên theo chủ nghĩa xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đã đi biểu tình tuần hành đòi thả tự do cho các đảng viên cộng sản đang bị giam ở Cục cảnh sát Viên. Cuộc biểu tình không thành công, một số thanh niên trẻ bị bắn chết. Popper tận mắt chứng kiến sự kiện ấy, ông cảm thấy hết sức kinh hoàng và sợ hãi. Ông rất ác cảm với hành vi của Cục cảnh sát, nhưng ông lại phê phán hành động bừa bãi hấp tấp của các đảng viên cộng sản. Ông chỉ trích lí luận bạo lực cách mạng của chủ nghĩa Mác. Chính từ sự kiện này Popper đã chuyển từ một người đi theo chủ nghĩa Mác sang phê phán chủ nghĩa Mác.

Thứ hai, ở Liên Xô, sau khi V.I. Lênin qua đời, Stalin lên nắm quyền và ban hành nhiều chính sách hà khắc và cực đoan theo mô hình tập trung quan liêu. Chủ nghĩa xã hội dưới thời J. Stalin mặc dù gặt hái được nhiều thành tựu nhưng cũng phạm phải không ít khuyết tật, thiếu sót. Những chính sách của Stalin tuy có những phù hợp nhất định trong thời kì này tuy nhiên ngày càng tỏ rõ sự thiếu tôn trọng đầy đủ các quy luật phát triển khách quan về kinh tế - xã hội, chủ quan duy ý chí, "thiếu dân chủ và công bằng, vi phạm nghiêm trọng pháp chế xã hội chủ nghĩa" (Lý Quốc Tú 2005: 466). Chứng kiến mô hình chủ nghĩa xã hội của Liên Xô dưới sự dẫn dắt độc đoán, thiếu dân chủ của Stalin đã khiến cho K. Popper càng khắc sâu những ác cảm của ông đối với mô hình chủ nghĩa xã hội tập trung quan liêu, K. Popper từ đánh giá cao C.

Mác đến từ bỏ chủ nghĩa Mác và tiến hành phê phán các quan điểm của C. Mác về xã hội tương lai.

Thứ ba, nếu như xuất phát điểm trong những nghiên cứu về triết học khoa học của ông là nguyên tắc phủ chứng thì nội dung của Nguyên lý bất định lại là điểm xuất phát trong những nghiên cứu về khoa học xã hội của ông. Theo nội dung của nguyên lý này thì người ta chắc chắn không thể tiên đoán những sự kiện tương lai một cách chính xác nếu như người ta không thể dù chỉ là đo trạng thái hiện thời của vũ trụ một cách chính xác. K. Popper viết: "Thuyết bất định – hoặc nói chính xác hơn là thuyết bất định vật lí – đơn thuần là một học thuyết nói rằng không phải tất cả mọi sự kiện xảy trong thế giới vật lí đều có thể được xác định trước với độ chính xác tuyệt đối cho từng chi tiết nhỏ nhất" (K. Popper, 2012b: 298).

K. Popper đã nghiên cứu rất kĩ nguyên lý bất định luận trong vật lý lượng tử và nhận thấy rằng trong xã hội nguyên lý này cũng đúng.Trong thế giới vĩ mô, chúng ta nhìn thấy sự vật thường là nhờ có ánh sáng, còn trong thế giới lượng tử, để biết được vị trí và vận tốc của một hạt, người ta phải sử dụng một phép đo, chẳng hạn là sự chiếu sáng nó (hay một sự trao đổi năng lượng nào khác), nhưng ngay khi chúng ta làm như vậy những hạt ánh sáng dùng trong phép đo cũng đã làm thay đổi vận tốc của hạt cần đo. Sự thay đổi này không đáng kể trong thế giới vật lý vĩ mô nhưng lại là rất lớn trong thế giới lượng tử vi mô. Theo Popper, cũng rất đáng kể trong nghiên cứu xã hội với tư cách một chỉnh thể - nơi nhà khoa học không bao giờ độc lập tách rời khỏi những tương tác xã hội mà ông ta nghiên cứu. Bởi, bản thân mỗi nhà nghiên cứu là một phần của xã hội, luôn có tương tác với xã hội. Lịch sử đã chứng kiến nhiều lần hành động của một số cá nhân thực sự đã làm thay đổi lịch sử mà ở thời đại của họ không ai có thể dự đoán trước những biến đổi lớn lao ấy.

Nội dung của Nguyên lý bất định trong vật lý lượng tử đã ảnh hưởng rất lớn tới quan niệm bất khả tri trong những nghiên cứu về lịch sử của K. Popper và trong những phê phán gay gắt của ông đối với tính quy luật trong những nghiên cứu của Chủ nghĩa duy vật lịch sử và những dự báo về xã hội tương lai của Mác.

Thứ tư, sợi dây xuyên xuốt tư tưởng triết học của K. Popper chính là chủ nghĩa duy lý phê phán. Vị triết gia này cho rằng không có mệnh đề nào là chân lý vĩnh cửu, luôn đúng trong mọi trường hợp cho nên trong lĩnh vực chính trị - xã hội cũng không bao giờ có một mô hình xã hội hoàn hảo có thể áp dụng cho tất cả các nước và cũng không có một giải pháp chung nào cho mọi vấn đề nảy sinh. Trong khi đó, K.Popper cho rằng những người theo chủ nghĩa Mác lại coi chủ nghĩa duy vật lịch sử là chân lý tuyệt đối luôn luôn đúng đối với mọi xã hội, mọi đất nước và theo ông quan niệm như vậy là phản khoa học.

Cuối cùng, tư tưởng về "xã hội mở" của Popper là một trong những nội dung then chốt trong triết học chính trị - xã hội của ông. Đó là mô hình xã hội "do mọi người sáng tạo ra một cách tự do, không phụ thuộc vào tính tất yếu và quy luật của lịch sử" (Nguyễn Tấn Hùng, 2017: 93). Trong triết học của Popper, "xã hội mở" được xem là cái đối lập với xã hội truyền thống mà ông gọi chung là "xã hội đóng". Theo Popper những xã hội được xây dựng dựa trên nền tảng lý luận là chủ nghĩa lịch sử đều sẽ trở thành những "xã hội đóng" vì mọi chính sách của nhà nước và hoạt động

của người dân đều tuân theo những quy luật sẵn có, bất biến của lịch sử. Chính vì vậy, song song với việc đề xuất mô hình "xã hội mở" K. Popper kịch liệt phê phán các hình thức của chủ nghĩa lịch sử.

2.3. Những sai lầm cơ bản của Karl Popper trong phê phán chủ nghĩa duy vật lịch sử

Thứ nhất, K. Popper chưa hiểu đúng về chủ nghĩa Mác khi quy chủ nghĩa Mác về chủ nghĩa lịch sử và quyết định luận kinh tế và coi những quan điểm của Mác về chủ nghĩa cộng sản là "không tưởng". K. Popper cho rằng, không phải sản xuất vật chất mà chính sự phát triển của nhận thức nhân loại mới là yếu tố căn bản, quyết định sự phát triển của lịch sử. Mặc dù Popper đánh giá rất cao quan niệm của C. Mác về con người và ý thức của họ, nhưng ông đã không thực sự hiểu được quan niệm về con người hiện thực của C. Mác khi ông đem tách rời thành tố tri thức của con người khỏi người lao động và quá trình sản xuất. Vì vậy ông không thấy được tầm quan trọng của việc C. Mác và Ph. Ăngghen chọn con người hiện thực làm xuất phát điểm xây dựng toàn bộ hệ thống lý luận của mình. Chỉ khi quan niệm như vậy, chúng ta mới có thể thấy được hoạt động sản xuất vật chất là hoạt động bản chất, đầu tiên của con người, trong đó con người xuất hiện không chỉ đơn thuần là sức lao động mà còn là người lao động với toàn bộ đời sống của họ; sản phẩm của lao động không chỉ đơn thuần thỏa mãn nhu cầu sử dụng hay trao đổi mà còn là kết tinh sức lao động, trí tuệ, tình cảm, văn hóa của con người. Xuất phát điểm đúng đắn đó đã cho phép C. Mác và Ph. Ăngghen có thể phát hiện ra mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, từ đó đi đến nhận thức quy luật phát triển của lịch sử qua các hình thái kinh tế - xã hội mà các ông gọi là quá trình lịch sử - tự nhiên.

Thứ hai, K. Popper đã tuyệt đối hóa tính quy luật trong chủ nghĩa duy vật lịch sử của Mác mà không thấy rằng trong khi khẳng định tính chất lịch sử - tự nhiên, tức tính quy luật khách quan của sự vận động, phát triển xã hội, chủ nghĩa Mác - Lênin cũng đồng thời khẳng định vai trò của các nhân tố khác đối với tiến trình phát triển lịch sử của nhân loại nói chung và lịch sử cộng đồng người cụ thể nói riêng. Đó là các nhân tố thuộc về điều kiện địa lý, tương quan lực lượng chính trị của các giai cấp, tầng lớp xã hội, truyền thống văn hóa của mỗi cộng đồng người, điều kiện tác động của tình hình quốc tế đối với tiến trình phát triển của mỗi cộng đồng người trong lịch sử.v.v.. Chính do sự tác động của các nhân tố này mà tiến trình phát triển của mỗi cộng đồng người có thể diễn ra bằng những con đường, hình thức và bước đi khác nhau, tạo nên tính phong phú, đa dạng trong sự phát triển của nhân loại. Như vậy, lịch sử nhân loại nói chung theo chủ nghĩa duy vật lịch sử vừa tuân theo tính tất yếu quy luật xã hội, vừa chịu sự tác động đa dạng của các nhân tố khác nhau, trong đó quan trọng nhất là nhân tố hoạt động chủ quan của con người. Từ đó tiến trình phát triển của lịch sử được biểu hiện ra thành lịch sử thống nhất trong tính đa dạng và đa dạng trong tính thống nhất của nó.

Thứ ba, trong khi Karl Popper cố gắng chứng minh rằng chúng ta không thể phát hiện ra quy luật phát triển của xã hội, thì C. Mác đã phát hiện ra quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ của lực lượng sản xuất. Thông qua đó Mác đã vạch ra được những bước phát triển tuần tự của lịch sử nhân loại là trải qua năm hình thái

kinh tế - xã hội: công xã nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa. Trong nhiều tác phẩm của mình, C. Mác đã nêu và phân tích một loạt những mối liên hệ có tính chất phổ biến, khách quan, tất yếu như mối liên hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội… những mối quan hệ đó hoàn toàn không phải là xu thế chỉ diễn ra trong một giai đoạn lịch sử mà là những mối quan hệ phổ biến, lặp đi lặp lại không chỉ ở những giai đoạn đã qua mà còn đúng cho cả xã hội tương lai trên những nét đại thể.

Thứ tư, việc Popper phản đối cách mạng xã hội, chủ trương chỉ tiến hành cải cách chính là biểu hiện của "chủ nghĩa cải lương" nhằm mục tiêu duy trì chế độ tư bản chủ nghĩa của giai cấp tư sản. Con đường cải cách mặc dù có những giá trị nhất định trong xây dựng xã hội song chỉ phù hợp ở những giai đoạn ngắn diễn ra trên một hay một số lĩnh vực của đời sống xã hội trong phạm vi một hình thái kinh tế - xã hội, còn nếu muốn thay đổi một hình thái kinh tế - xã hội không thể không tiến hành cách mạng xã hội. Bởi chỉ có cách mạng xã hội mới tạo ra sự thay đổi căn bản về chất đối với toàn bộ các lĩnh vực của đời sống xã hội. Chủ nghĩa Mác - Lênin đã thấy được mối quan hệ biện chứng giữa cải cách xã hội và cách mạng xã hội, ngược lại Popper đã tuyệt đối hóa cải cách xã hội mà phủ định hoàn toàn ý nghĩa lịch sử của cách mạng xã hội. Popper xuất phát từ lập trường nhân đạo tư sản cho nên ông phản đối bất kì biện pháp nào có thể gây nên đổ máu, thực chất ông đã không phân biệt được bạo lực chính nghĩa và bạo lực phi nghĩa. K. Popper cũng đã không thấy được tính tất yếu của bạo lực cách mạng trong cuộc đấu tranh chống áp bức bất công của quần chúng nhân dân với giai cấp thống trị.

Thứ năm, K.Popper luôn tự nhấn mạnh tính tuyệt đối của chủ nghĩa Mác nói chung, chủ nghĩa duy vật lịch sử nói riêng trong khi đó bản thân những nhà sáng lập và những người mácxít chân chính chưa khi nào máy móc coi chủ nghĩa Mác là chân lý tuyệt đối đúng trong mọi trường hợp mà không cần bổ sung, phát triển. C. Mác, Ph. Ăngghen luôn khẳng định hệ thống lý luận do các ông xây dựng có tính phê phán. Tính phê phán đó không chỉ bao hàm sự phê phán đối với các nhà tư tưởng có quan điểm phiến diện, sai lầm về thế giới khách quan, mà còn bao hàm cả sự tự phê phán đối với chính tư tưởng của các ông qua mỗi thời kỳ lịch sử. Do đó, C. Mác và Ph.Ăngghen không bao giờ cho rằng học thuyết của mình là học thuyết đã hoàn thiện, là chân lý vĩnh hằng và buộc mọi người phải rập khuôn, sao chép, mà luôn đòi hỏi phải phát triển lý luận ấy thông qua nghiên cứu và tổng kết thực tiễn. Chẳng hạn, trong tác phẩm "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản", hai ông đã chỉ rõ, nếu được viết lại thì cũng cần bổ sung và yêu cầu những người cộng sản "bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, việc áp dụng những nguyên lý đó phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời, và do đấy, không nên quá câu nệ vào những biện pháp cách mạng nêu ra ở cuối chương II"(C. Mác và Ph. Ăngghen,1993:128). Đó là lý do giải thích tại sao trong khoảng hơn 20 năm (1872 - 1893), các ông đã 7 lần viết "Lời tựa" cho những lần tái bản tác phẩm "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản". C. Mác, Ph. Ăngghen không coi lý luận do các ông xây dựng là hoàn chỉnh, là công cụ vạn năng, nên trong quá trình xây dựng hệ thống lý luận của mình, cả hai ông đều không ngừng bổ

sung, phát triển những nguyên lý, luận điểm của hệ thống đó cho phù hợp với thực tiễn. Các ông cũng luôn kêu gọi những người mácxít khi vận dụng những nguyên lý của chủ nghĩa Mác cần tránh tư tưởng dập khuôn, máy móc, giáo điều, bởi điều đó tất yếu dẫn đến những sai lầm.

Trên tinh thần tiếp thu một cách phê phán và không ngừng hoàn thiện, phát triển chủ nghĩa Mác, V.I. Lênin cũng căn dặn: "Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm; trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa cần phải phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu đối với cuộc sống"(V.I. Lênin, 2005:232). Bản thân K. Popper luôn tự nhận mình là người nghiên cứu có tinh thần phản biện khoa học nhưng chính ông lại cố chấp không chịu thừa nhận tinh thần ấy cũng thấm đượm ở các nhà sáng lập chủ nghĩa duy vật lịch sử - đối tượng mà ông kịch liệt phê phán.

3. Kết luận

Như vậy, việc nghiên cứu nội dung những phê phán của K. Popper đối với chủ nghĩa duy vật lịch sử một cách khách quan trên tinh thần phản biện khoa học không chỉ giúp chúng ta hiểu thấu đáo nguyên nhân của sự phê phán hay những hạn chế trong tư tưởng của ông, mà còn là một căn cứ để chúng ta khẳng định sức sống lâu bền của triết học Mác. Mặc dù cố gắng hướng sự phê phán đến chủ nghĩa duy vật lịch sử của Mác, nhưng những lập luận của Popper có vẻ bề ngoài là thuyết phục nhưng thực chất lại chưa đủ sức nặng để ai đó có đủ căn cứ phê phán triết học Mác. Tuy nhiên, chúng ta cũng phải xác định rằng để khẳng định giá trị khoa học của chủ nghĩa Mác không chỉ dừng lại ở việc nắm vững hệ thống nguyên lý, quy luật của bản thân nó mà còn cần hiểu thấu đáo những quan điểm trái ngược để vạch ra được những sai lầm của những quan điểm đó trên cơ sở khoa học.

Lời cảm ơn: *Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 qua Đề tài có mã số HPU2.2022-CS.04.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

C. Mác và Ph. Ăngghen. (1993). *Toàn tập*, tập 18. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

C. Mác và Ph. Ăngghen. (2005). *Toàn tập*, tập 1. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

Nguyễn Tấn Hùng. (2017). *Một số trào lưu triết học và tư tưởng chính trị phương Tây hiện đại*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.

K. Popper. (2012). *Sự nghèo nàn của thuyết sử luận*. Chu Lan Đình (dịch). Hà Nội: NXB Tri Thức.

K. Popper. (2012). *Tri thức khách quan, một cách tiếp cận dưới góc độ tiến hóa*. Chu Lan Đình (dịch). Hà Nội: NXB Tri Thức.

Lý Quốc Tú. (2005). *Karl Raimund Popper*. Quang Lâm (dịch). NXB Thuận Hóa, Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây.

V.I. Lênin. (2005). *Toàn tập*, tập 4. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

Ngày nhận bài: 04/7/2023 Ngày chấp nhận đăng: 23/10/2023